

Báo cáo thị trường tiền tệ

NHNN bơm mạnh thanh khoản để hỗ trợ hệ thống ngân hàng thương mại

NHNN bơm mạnh thanh khoản

Trong tuần 45, tỷ giá tiếp tục hạ nhiệt sau những tuần rút thanh khoản từ hệ thống ngân hàng, NHNN đã bơm một lượng lớn thanh khoản để làm dịu tình hình căng thẳng thanh khoản trong hệ thống. Cụ thể, NHNN đã phát hành 4.25 nghìn tỷ đồng tín phiếu mới, trong khi 13.40 nghìn tỷ đồng tín phiếu đã đáo hạn, dẫn đến mức bơm ròng 9.15 nghìn tỷ đồng qua công cụ tín phiếu. Đáng chú ý hơn, NHNN đã phát hành gần 90 nghìn tỷ đồng hợp đồng mua lại kỳ hạn, trong khi chỉ có 34 nghìn tỷ đồng hợp đồng đáo hạn, dẫn đến mức bơm ròng 56 nghìn tỷ đồng qua công cụ này. Tổng cộng, NHNN đã bơm ròng lên đến 65.15 nghìn tỷ đồng vào hệ thống ngân hàng trong tuần.

Lãi suất liên ngân hàng tăng ở hầu hết các kỳ hạn

Trong tuần, lãi suất liên ngân hàng tăng trên tất cả các kỳ hạn, với mức tăng mạnh hơn ở các lãi suất ngắn hạn. Cụ thể, lãi suất qua đêm, 1 tuần, 2 tuần, 1 tháng và 3 tháng lần lượt tăng 55đcb, 45đcb, 60đcb, 45đcb và 20đcb, đạt mức 4.15%, 4.20%, 4.20%, 4.25% và 4.20%. Khối lượng giao dịch trung bình giảm 13.44% so với tuần trước, đạt mức 336.19 nghìn tỷ đồng.

USDVND giảm nhẹ

Trong tuần, USDVND giảm nhẹ do ảnh hưởng của nhiều yếu tố, mặc dù chỉ số DXY tăng mạnh. Tỷ giá USDVND liên ngân hàng giảm 0.06%, tương đương 14 điểm phần trăm so với tuần trước, đạt mức 25,286 vào thứ Sáu. Trên thị trường quốc tế, chỉ số DXY tăng 0.69% lên mức 105.0 vào thứ Sáu, đây là mức cao nhất kể từ tháng 7, sau chiến thắng của Đảng Cộng hòa trong cuộc bầu cử Mỹ 2024. Trong nước, khối ngoại đã gia tăng mức bán ròng trên sàn HOSE. Thêm vào đó, KBNN tiếp tục mua USD từ đầu tuần để đáp ứng nghĩa vụ thanh toán trái phiếu tạo áp lực lên tỷ giá hối đoái. Như tuần trước, chúng tôi cho rằng điều này có thể tác động đến tỷ giá hối đoái nhưng tác động có thể hạn chế vì VST đã huy động được 1.83 tỷ USD để đáp ứng các nghĩa vụ này. Tuy nhiên, thặng dư cán cân thương mại trong tháng 10 và các biện pháp của NHNN đã góp phần củng cố giá trị đồng VND so với USD, tạo áp lực giảm lên tỷ giá USDVND trong tuần.

Chỉ số kinh tế Việt Nam

	T5/24	T6/24	T7/24	T8/24	T9/24	T10/24	Corr. ¹
FDI %n/n	9.4	9.4	9.5	5.3	13.2	7.6	-0.17
Tổng mức bán lẻ %n/n	8.9	8.9	8.6	8.4	7.6	7.1	-0.23
Xuất khẩu %n/n	14.6	13.1	20.2	14.5	11.0	10.3	-0.16
Nhập khẩu %n/n	25.7	14.7	25.0	12.4	11.5	13.8	-0.07
Cán cân thương mại (Tỷ USD)	-0.5	3.2	2.4	4.5	2.3	2.0	-0.10
Chỉ số giá tiêu dùng %t/t	0.05	0.17	0.48	0.00	0.29	0.33	-0.08
Tín dụng %n/n	14.0	15.3	15.3	15.7	14.6	14.1	-0.23
USDVND %t/t	0.45	0.02	-0.81	-1.48	-1.24	2.91	-0.39
PMI(Điểm)	50.3	54.7	54.7	52.4	47.3	51.2	-0.25
VNINDEX %t/t	4.8	-1.2	0.7	2.6	0.8	-2.2	1.00

Nguồn: SBV, GSO, Bloomberg, KIS

¹ Tương quan với tỷ suất sinh lãi hàng tháng của VNINDEX;
Xanh = tăng tốc; Vàng = giảm tốc; Đỏ = giảm

Nội dung

I. NHNN bơm mạnh thanh khoản.....	1
II. Lãi suất liên ngân hàng tăng ở hầu hết các kỳ hạn ...	3
III. Lãi suất trái phiếu Chính phủ tăng nhẹ	4
IV. USDVND giảm nhẹ.....	6
Thống kê vĩ mô	8
Phụ lục	9

Research Dept.

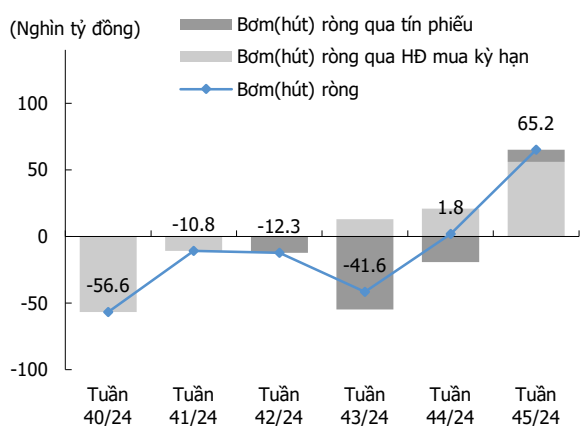
researchdept@kisvn.vn

I. NHNN bơm mạnh thanh khoản

NHNN bơm mạnh thanh khoản để hỗ trợ hệ thống ngân hàng

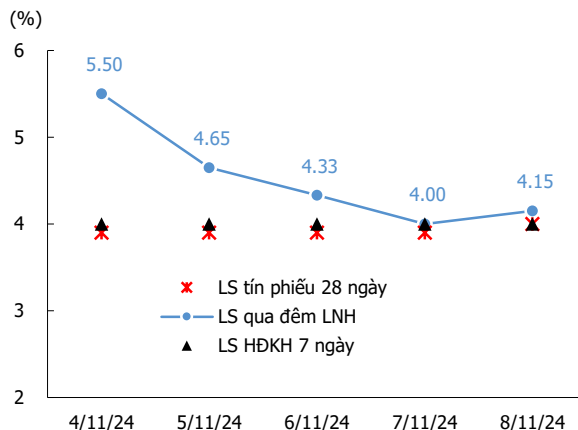
Trong tuần 45 (từ ngày 04 đến 08 tháng 11), tỷ giá tiếp tục hạ nhiệt sau những tuần rút thanh khoản từ hệ thống ngân hàng, NHNN đã bơm một lượng lớn thanh khoản để làm dịu tình hình căng thẳng thanh khoản trong hệ thống. Cụ thể, NHNN đã phát hành 4.25 nghìn tỷ đồng tín phiếu mới, trong khi 13.40 nghìn tỷ đồng tín phiếu đã đáo hạn, dẫn đến mức bơm ròng 9.15 nghìn tỷ đồng qua công cụ tín phiếu. Đáng chú ý hơn, NHNN đã phát hành gần 90 nghìn tỷ đồng hợp đồng mua lại kỳ hạn, trong khi chỉ có 34 nghìn tỷ đồng hợp đồng đáo hạn, dẫn đến mức bơm ròng 56 nghìn tỷ đồng qua công cụ này. Tổng cộng, NHNN đã bơm ròng lên đến 65.15 nghìn tỷ đồng vào hệ thống ngân hàng trong tuần. Hành động này của NHNN được xem là biện pháp làm dịu căng thẳng thanh khoản trong hệ thống ngân hàng sau các đợt hút thanh khoản trước đó nhằm ổn định tỷ giá. Tuy nhiên, theo nhận định của chúng tôi, đây chỉ là biện pháp ổn định tạm thời, bởi áp lực tỷ giá vẫn còn hiện hữu, trong khi DXY đã tăng mạnh kể từ khi ông Donald Trump giành chiến thắng trong cuộc bầu cử tổng thống. Chúng tôi dự báo thanh khoản trong hệ thống ngân hàng sẽ tiếp tục chịu áp lực trong các tuần tới nếu tình hình tỷ giá trở nên căng thẳng hơn.

Hình 1. Bơm (rút) thanh khoản ròng



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 2. Hành lang lãi suất



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 3. Thông tin chi tiết về phát hành HĐ mua kỳ hạn

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
4/11/24	11/11/24	7	30.00	4.00
5/11/24	12/11/24	7	20.00	4.00
6/11/24	13/11/24	7	15.00	4.00
7/11/24	14/11/24	7	15.00	4.00
8/11/24	15/11/24	7	10.00	4.00
Tổng		7	90.00	4.00

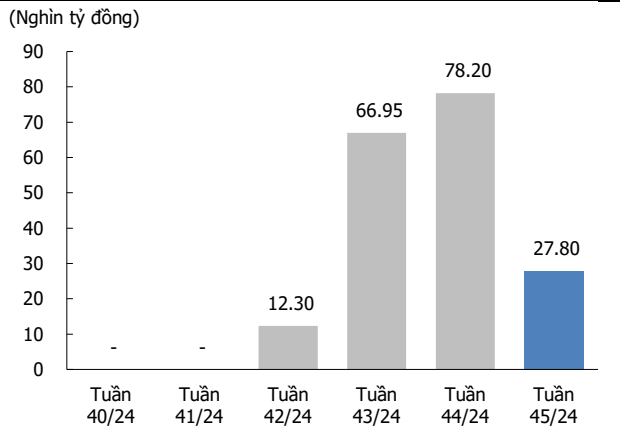
Nguồn: NHNN, KIS

Hình 4. Thông tin về phát hành tín phiếu kỳ hạn 28 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
4/11/24	2/12/24	28	0.30	3.90
5/11/24	3/12/24	28	0.60	3.90
6/11/24	4/12/24	28	0.90	3.90
7/11/24	5/12/24	28	0.90	3.90
8/11/24	6/12/24	28	1.55	4.00
Tổng		28	4.25	3.92

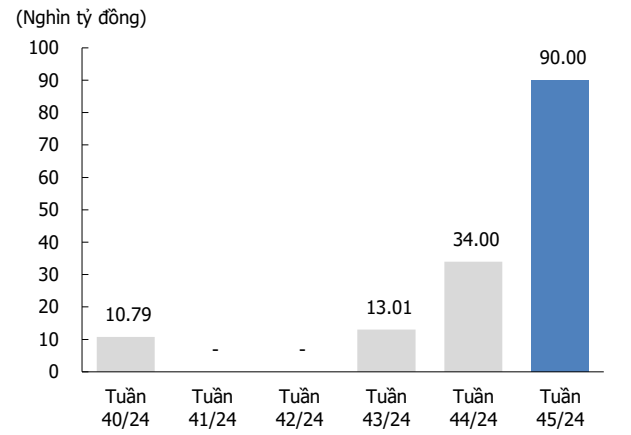
Nguồn: NHNN, KIS

Hình 5. Tín phiếu đang lưu hành



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 6. Hợp đồng mua kỳ hạn đang lưu hành



Nguồn: NHNN, KIS

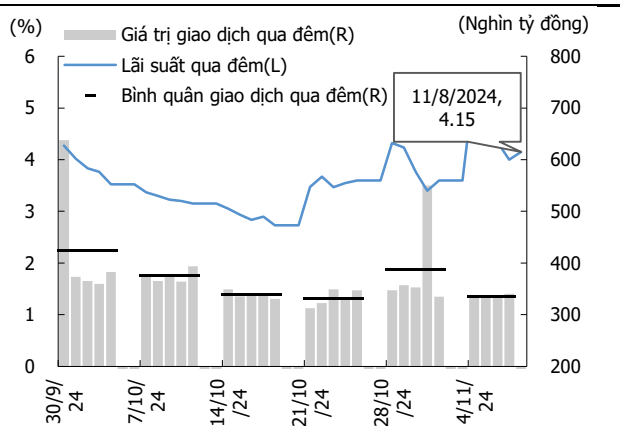
II. Lãi suất liên ngân hàng tăng ở hầu hết các kỳ hạn

Lãi suất liên ngân hàng tăng mạnh ở các kỳ hạn ngắn

Trong tuần 45 (từ ngày 04 đến 08 tháng 10), lãi suất liên ngân hàng tăng trên tất cả các kỳ hạn, với mức tăng mạnh hơn ở các lãi suất ngắn hạn. Cụ thể, lãi suất qua đêm (ON), 1 tuần (1W), 2 tuần (2W), 1 tháng (1M) và 3 tháng (3M) lần lượt tăng 55đcb, 45đcb, 60đcb, 45đcb và 20đcb, đạt mức 4.15%, 4.20%, 4.20%, 4.25% và 4.20%. Khối lượng giao dịch trung bình giảm 13.44% so với tuần trước, đạt mức 336.19 nghìn tỷ đồng.

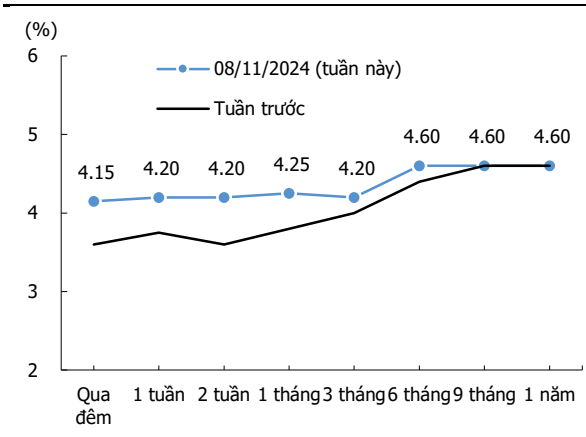
Những thay đổi trong lãi suất liên ngân hàng trong tuần này xuất phát từ áp lực thanh khoản gia tăng trong hệ thống ngân hàng trước bối cảnh tỷ giá diễn biến khó lường. Giai đoạn cuối năm khi kiều hối thường có xu hướng trở về nội địa, chúng tôi kỳ vọng tỷ giá sẽ hạ nhiệt, tạo điều kiện cho NHNN có những hành động ôn hòa hơn. Điều này sẽ giúp thanh khoản trong hệ thống ngân hàng được ổn định, từ đó tạo thêm dư địa để các ngân hàng mở rộng hoạt động và thúc đẩy phát triển kinh tế.

Hình 7. Giao dịch liên ngân hàng



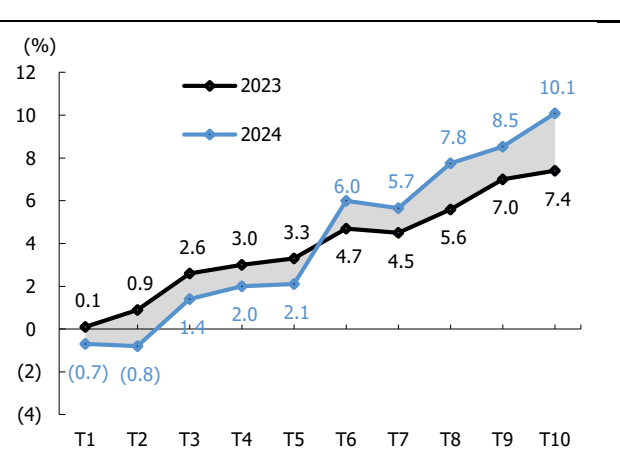
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Hình 8. Đường cong lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

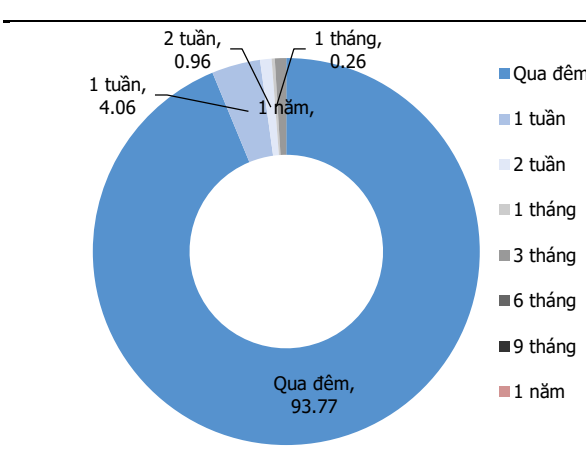
Hình 9. Tăng trưởng tín dụng theo tháng



Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Ghi chú: Cập nhật đến ngày 30 tháng 10 năm 2024

Hình 10. Thống kê giao dịch liên ngân hàng theo phân khúc



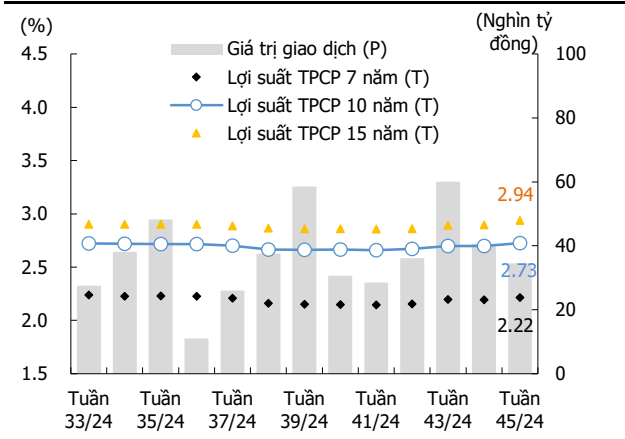
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

III. Lợi suất trái phiếu Chính phủ tăng nhẹ

Lợi suất trái phiếu chính phủ cho thấy sự thận trọng

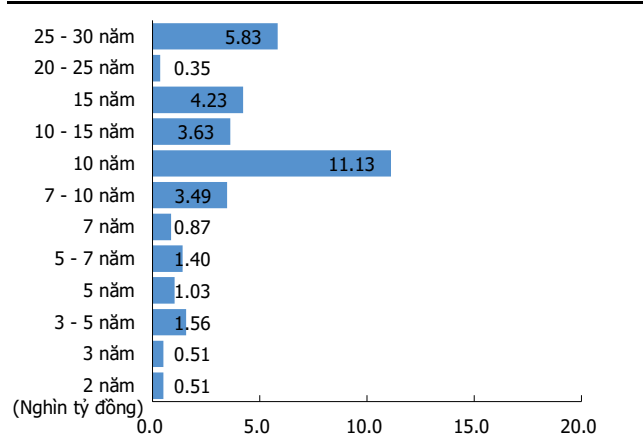
Trong tuần, lợi suất trái phiếu Chính phủ (TPCP) đã tăng nhẹ so với tuần trước, trong khi giá trị giao dịch giảm mạnh. Cụ thể, lợi suất trái phiếu 3 năm, 4 năm, 5 năm và 7 năm cùng tăng 2 điểm cơ bản, lần lượt đạt 1.89%, 1.91%, 1.93% và 2.22%, tương ứng. Tổng giá trị giao dịch đạt 34.53 nghìn tỷ đồng, với bình quân mỗi ngày giao dịch là 6.91 nghìn tỷ đồng, giảm 15.00% so với tuần trước. Nhìn chung, nhu cầu giảm mạnh trong khi lợi suất tăng nhẹ, cho thấy các nhà đầu tư đang giao dịch một cách thận trọng, chờ đợi các tín hiệu rõ ràng hơn về chính sách tiền tệ và các sự kiện quan trọng.

Hình 11: Giá trị giao dịch TPCP theo tuần



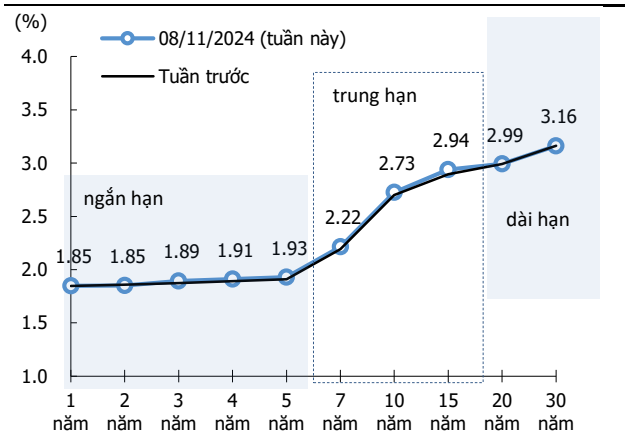
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

Hình 12: Giá trị giao dịch TPCP theo kỳ hạn



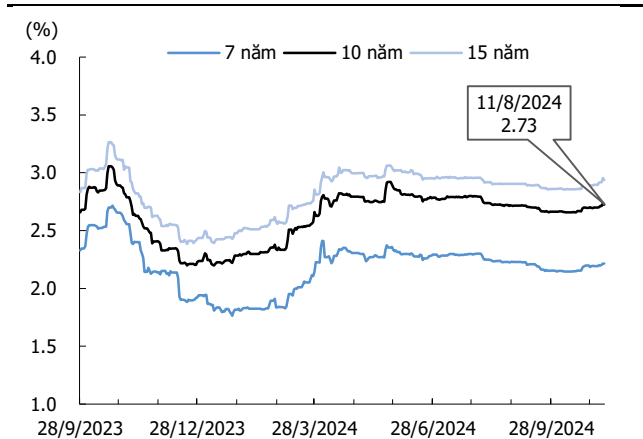
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

Hình 13: Đường cong lãi suất TPCP



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

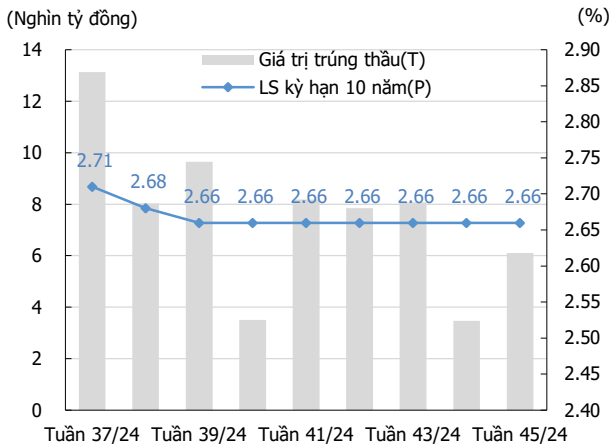
Hình 14: Lãi suất TPCP giao dịch hàng ngày



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

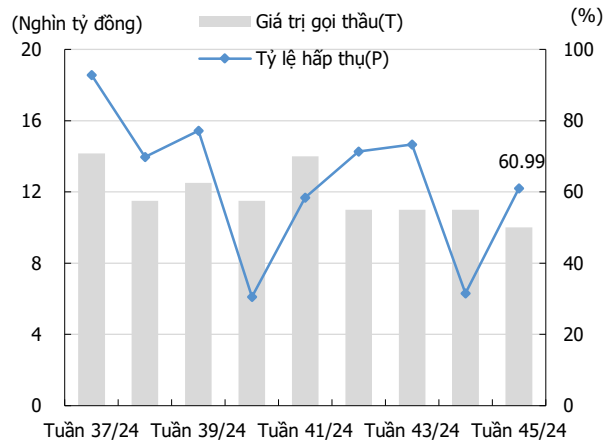
Trên thị trường sơ cấp, trong tuần cho thấy nhu cầu thay đổi đáng kể so với tuần trước, với lãi suất trúng thầu không đổi và giá trị trúng thầu giảm mạnh. Cụ thể, KBNN đã phát hành thành công 6.10 nghìn tỷ đồng trong tuần với lãi suất trúng thầu không đổi. Cho đến nay, KBNN đã phát hành tổng cộng 308.84 nghìn tỷ đồng, đạt 77.21% mục tiêu trong năm. Tiến độ năm nay cũng tăng nhanh hơn đáng kể so với năm trước, khi tốc độ hoàn thành nhanh hơn 6.55% so với cùng kỳ năm 2023.

Hình 15: Giá trị trúng thầu hàng tuần



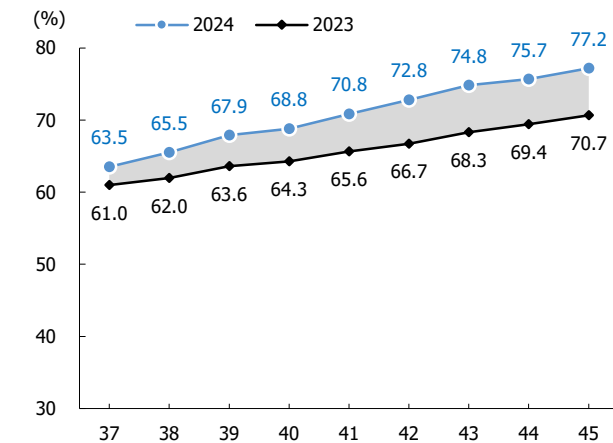
Nguồn: HNX, KIS

Hình 16: Hệ số hấp thụ hàng tuần



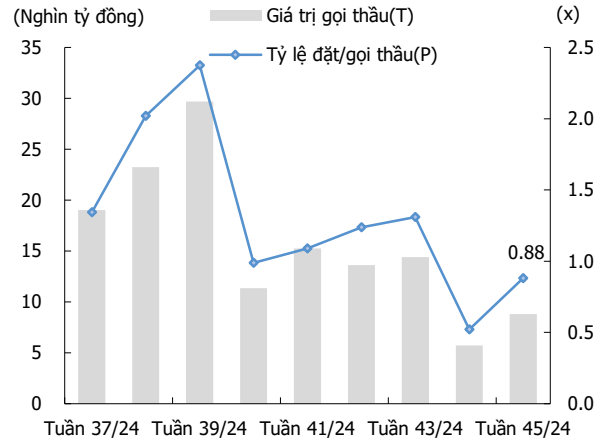
Nguồn: HNX, KIS

Hình 17: Tỷ lệ hoàn thành theo tuần trong năm 2024



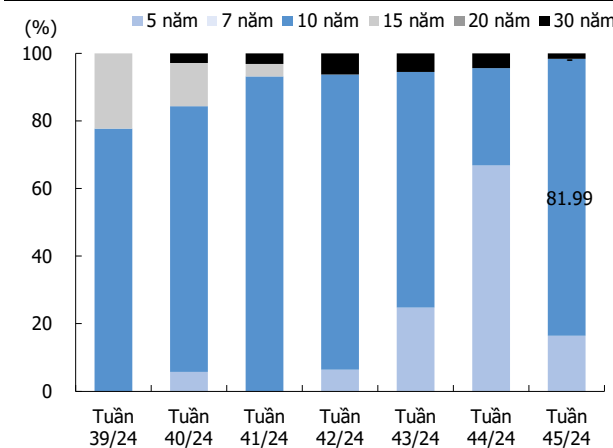
Nguồn: HNX, KIS

Hình 18: Tỷ lệ trúng thầu hàng tuần



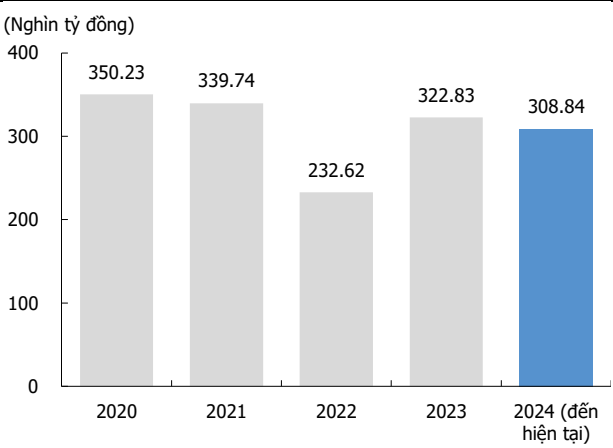
Nguồn: HNX, KIS

Hình 19: Cơ cấu TPCP trúng thầu hàng tuần



Nguồn: HNX, KIS

Hình 20: Lượng TPCP phát hành hàng năm



Nguồn: HNX, KIS

IV. USDVND giảm nhẹ

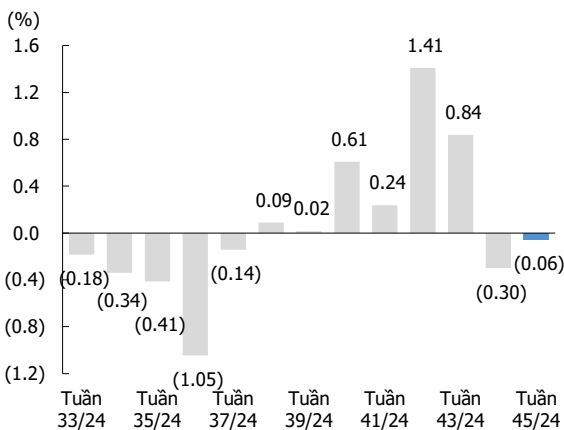
DXY tăng mạnh sau cuộc bầu cử

Trong tuần, USDVND giảm nhẹ do ảnh hưởng của nhiều yếu tố, mặc dù chỉ số DXY tăng mạnh. Tỷ giá USDVND liên ngân hàng giảm 0.06%, tương đương 14 điểm phần trăm so với tuần trước, đạt mức 25,286 vào thứ Sáu. Trên thị trường quốc tế, chỉ số DXY tăng 0.69% lên mức 105.0 vào thứ Sáu, đây là mức cao nhất kể từ tháng 7, sau chiến thắng của Đảng Cộng hòa trong cuộc bầu cử Mỹ 2024, với kỳ vọng rằng các chính sách về nhập cư, thuế quan và thương mại dưới thời Donald Trump sẽ thúc đẩy tăng trưởng tại Mỹ. Tuy nhiên, DXY đã giảm mạnh vào thứ Năm khi Fed thực hiện cắt giảm lãi suất 25bps và các quan chức của Fed không đưa ra dấu hiệu cho thấy khả năng dừng cắt giảm lãi suất trong tương lai gần.

Đối với thị trường nội địa, khối ngoại đã gia tăng mức bán ròng trên sàn HOSE, đạt tổng cộng 3.46 nghìn tỷ đồng, chiếm 5.1% tổng giá trị giao dịch trong tuần. Cổ phiếu đạt giá trị bán ròng lớn nhất là cổ phiếu MSN, trong đó SK Group hoàn tất việc chuyển nhượng 76 triệu cổ phiếu MSN, giảm tỷ lệ sở hữu xuống dưới ngưỡng cổ đông lớn. Thêm vào đó, một lượng lớn trái phiếu chính phủ sẽ đáo hạn trong tháng 11 (khoảng 2.00 tỷ USD, theo nguồn tự thu thập). Như tuần trước, chúng tôi cho rằng điều này có thể tác động đến tỷ giá hối đoái nhưng tác động có thể hạn chế vì VST đã huy động được 1.83 tỷ USD để đáp ứng các nghĩa vụ này. Hơn nữa, thặng dư cán cân thương mại 2.00 tỷ USD trong tháng 10 đã góp phần củng cố giá trị đồng VND so với USD, tạo áp lực giảm lên tỷ giá USDVND trong tuần.

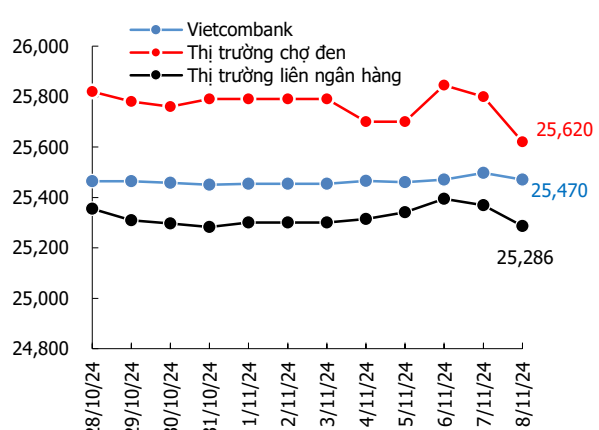
Trên thị trường ngoại hối, giá chào bán tại Vietcombank tăng nhẹ 0.06% hay 16 điểm phần trăm, trong khi giá chào bán trên thị trường chợ đen giảm mạnh 0.66% hay 170 điểm phần trăm so với tuần trước. Vào thứ Sáu, giá chào bán tại Vietcombank và thị trường chợ đen lần lượt được ghi nhận ở mức 25,470 và 25,620 cho một USD.

Hình 21: Diễn biến của USDVND theo tuần



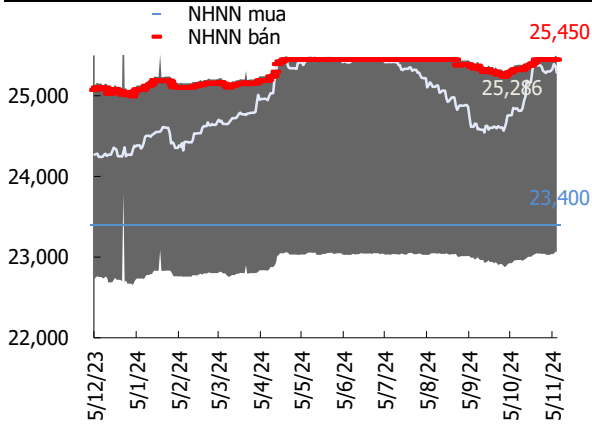
Nguồn: NHNN, Bloomberg

Hình 22: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng ngày



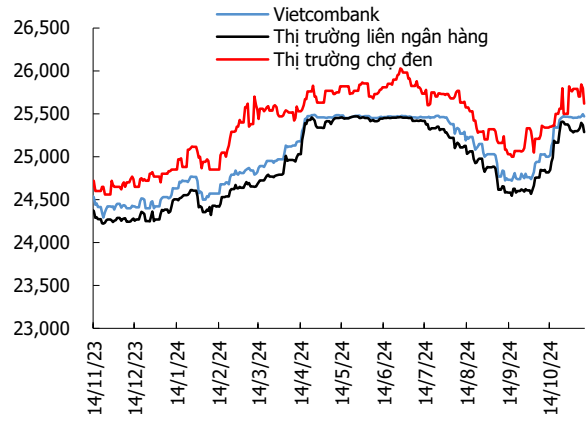
Nguồn: TCTT, KIS

Hình 23: Diễn biến giao dịch của NHNN



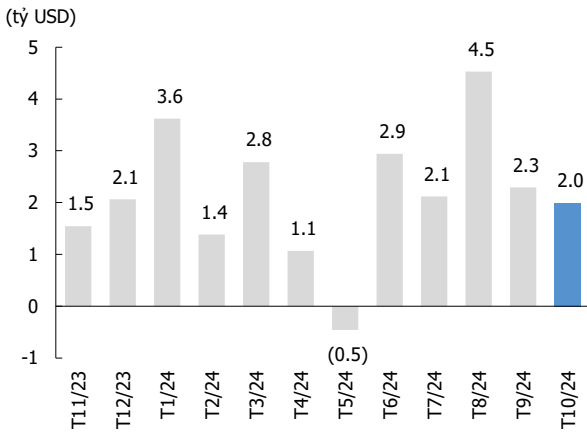
Nguồn: NHNN, Bloomberg, Fiipro, KIS

Hình 24: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng tháng



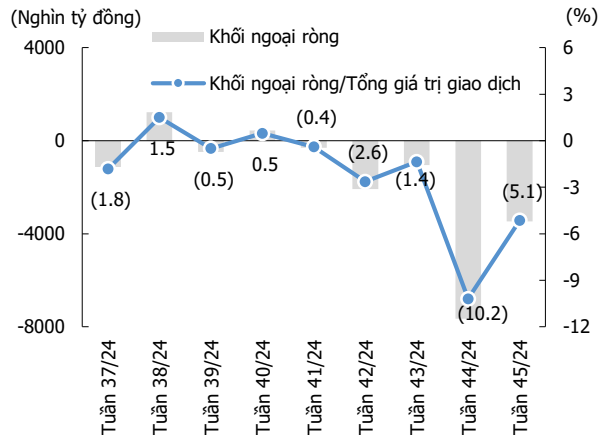
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KIS

Hình 25: Cán cân thương mại của Việt Nam hàng tháng



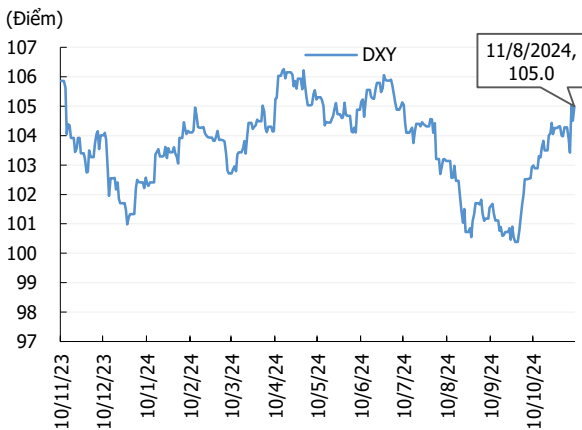
Nguồn: NHNN, Bloomberg
Ghi chú: Cập nhật đến 6 tháng 11, 2024

Hình 26: Thống kê giao dịch của khối ngoại hàng tuần



Nguồn: Fiipro, KIS

Hình 27: Thống kê chỉ số DXY hàng tháng



Nguồn: NHNN, Bloomberg

Hình 28: Thống kê tuần các cặp tỷ giá nổi bật

Tỷ giá	Cơ chế	43W24	44W24	45W24	2024YTD
DXY	Chỉ số đồng Đô La Mỹ	0.74	0.02	0.69	3.62
USDCNY	Tỷ giá thả nổi có quản lý	0.27	0.11	0.77	1.18
EURUSD	Tỷ giá thả nổi	-0.65	0.35	-1.07	-2.91
USDJPY	Tỷ giá thả nổi	1.86	0.46	-0.24	8.22
USDKRW	Tỷ giá thả nổi	1.56	-0.83	1.26	8.37
USDSGD	Cơ chế trung gian (BBC)	0.85	0.36	-0.05	0.39
USDTHB	Tỷ giá thả nổi	1.88	0.34	0.34	-0.36
USDVND	Tỷ giá thả nổi có quản lý	0.84	-0.30	-0.06	4.20

Nguồn: NHNN, Bloomberg
Chú thích: Xanh = Giá tăng mạnh; Vàng = Giá tăng nhẹ; Đỏ = Giá giảm.

Thống kê vĩ mô

	T6/24	T7/24	T8/24	T9/24	T10/24	4Q23	1Q24	2Q24	3Q24	2020	2021	2022	2023
Tăng GDP thực (%)						6.72	5.66	6.93	7.40	2.91	2.58	8.02	5.05
FDI đăng ký (USD bn)	4.13	2.82	2.53	4.26	2.48	16.40	6.18	9.01	9.59	28.53	31.15	27.72	36.61
GDP bình quân (USD)										3,521	3,725	4,110	4,285
Tỷ lệ thất nghiệp (%)						2.28	2.24	2.29	2.24	2.48	3.22	2.32	2.26
Xuất khẩu (tỷ USD)	33.09	35.92	37.59	34.05	35.59	96.53	93.06	92.9	108.6	282.7	335.7	371.85	355.5
Nhập khẩu (tỷ USD)	30.15	33.80	33.06	31.76	33.60	90.17	84.98	85.1	99.7	263	331.1	360.65	327.5
Tăng trưởng XK (%)	10.52	19.11	14.54	10.70	10.09	8.80	16.98	12.46	15.82	7.02	18.74	10.61	-4.4
Tăng trưởng NK (%)	13.12	24.73	12.38	11.06	13.56	8.01	13.88	19.81	17.19	3.81	25.9	8.35	-8.9
Lạm phát (%)	4.34	4.36	3.45	2.63	2.68	3.54	3.77	4.39	3.48	3.24	1.84	3.15	3.25
USD/VND	25,458	25,320	24,860	24,093	25,270	24,260	24,786	25,458	24,093	23,126	22,790	23,650	23,784
Tăng trưởng tín dụng (%)	15.3	15.1	14.9	14.6	16.6	10.82	11.6	13.5	15.3	12.17	12.97	12.87	11.09
TPCP 10 năm (%)	2.81	2.79	2.83	2.66	2.80	2.23	2.59	2.81	2.66	2.01	2.11	5.08	2.39

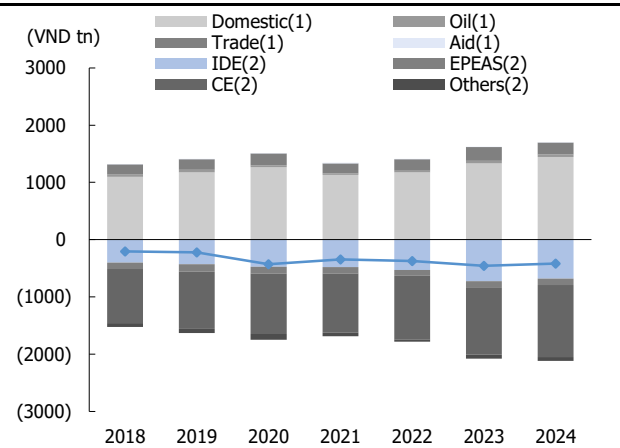
Nguồn: TCTK, Bloomberg, FIA, IMF

**Khái niệm

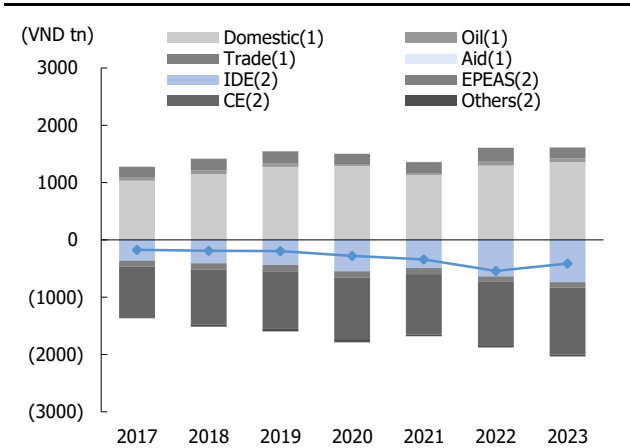
- * Tỷ giá lãi suất trúng thầu = tỷ giá đặt thầu cao nhất của mỗi nhóm, 2.66%
- * Hệ số hấp thụ = giá đặt thầu / giá gọi thầu, 60.99%
- * Tỷ lệ "bid to offer" = giá chào thầu / giá đặt thầu, 0.88%
- * DXY = Chỉ số giá USD Index, ~105.0
- * OMO = Nghiệp vụ thị trường mở
- * Kỳ hạn = Khoảng thời gian đến ngày thanh toán
- * ON =lãi suất liên ngân hàng qua đêm, ~5.50%

Phụ lục

Hình 1: Ngân sách nhà nước Việt Nam hàng năm: dự kiến



Hình 2: Ngân sách nhà nước Việt Nam hàng năm: thực tế



Nguồn: MoF, NHNN, KIS

Domestic= Doanh thu quốc nội; Oil= Doanh thu giao dịch dầu thô; Trade= Cán cân thu nhập từ hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu; Aid= Doanh thu từ viện trợ.

IDE=Chi đầu tư phát triển; EPEAS=Chi phí lãi vay và chi trả cho viện trợ; CE= Chi tiêu hiện tại

(1) ghi chú khoản mục thuộc về doanh thu

(2) ghi chú khoản mục thuộc về chi tiêu hoặc được ghi nhận dưới dạng số âm

Hình 2: Cán cân thanh toán của Việt Nam (tỷ USD)

	2020	2021	2022	2023	1Q24	2Q24
Cán cân vãng lai	15.1	(4.6)	(1.1)	25.1	5.2	4.5
Hàng hóa: Xuất khẩu	282.6	335.9	371.3	354.7	92.9	97.9
Hàng hóa : Nhập khẩu	251.9	318.5	345.6	310.7	81.0	89.3
Hàng hóa ròng	30.7	17.5	25.7	44.0	11.9	8.5
Dịch vụ: Xuất khẩu	7.6	4.2	12.9	19.6	5.7	5.5
Dịch vụ: Nhập khẩu	17.9	19.9	25.5	29.1	8.0	8.3
Thu nhập sơ cấp: Thu	1.4	1.0	2.3	4.6	1.4	1.4
Thu nhập sơ cấp: Chi	16.2	17.7	22.0	27.0	9.0	5.4
Thu nhập thứ cấp: Thu	11.4	13.6	12.2	16.1	4.3	3.8
Thu nhập thứ cấp: Chi	2.0	3.2	6.7	3.1	1.0	1.1
Cán cân tài chính	(8.5)	(30.9)	(9.5)	(2.8)	1.4	(6.3)
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	0.4	0.3	2.7	1.6	(0.1)	(0.1)
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản nợ	15.8	15.7	17.9	18.5	3.6	5.0
Đầu tư gián tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	(0.0)	(0.0)	(0.0)	0.0	0.0	0.0
Đầu tư gián tiếp vào Việt Nam: Tài sản nợ	(1.3)	0.3	1.5	(1.2)	(0.5)	(1.6)
Đầu tư khác, tài sản có	8.4	0.6	13.7	(14.3)	0.2	(5.2)
Đầu tư khác, tài sản nợ	2.8	15.9	6.4	(7.4)	(1.8)	(4.4)
Lỗi và sai sót	(6.9)	(10.4)	(31.1)	(16.6)	(8.0)	(4.3)
Dự trữ và các hạng mục liên quan	16.6	15.9	(22.7)	(5.6)	1.4	6.1

Nguồn: NHNN, IMF, KIS

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu và tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam này được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2023 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam

VIET NAM

UYEN LAM, Head of Institutional Brokerage (uyen.lh@kisvn.vn +8428 3914 8585 - 1444)
KIS Vietnam Securities Corporation
3rd floor, 180-192 Nguyen Cong Tru, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City.
Fax: 8428 3821-6898

SOUTH KOREA

YEONG KEUN JOO, Managing Director, Head of International Business Division (ykjoo@truefriend.com, +822 3276 5157)
PAUL CHUNG, Sales Trading (pchung@truefriend.com +822 3276 5843)
27-1 Yoido-dong, Youngdeungpo-ku, Seoul 150-745, Korea
Toll free: US 1 866 258 2552 HK 800 964 464 SG 800 8211 320
Fax: 822 3276 5681~3
Telex: K2296

NEW YORK

DONG KIM, Managing Director (dkim@kisamerica.com +1 212 314 0681)
HOON SULL, Head of Sales (hoonsull@kisamerica.com +1 212 314 0686)
Korea Investment & Securities America, Inc.
1350 Avenue of the Americas, Suite 1110
New York, NY 10019
Fax: 1 212 314 0699

HONG KONG

GREGORY KIM, Managing Director, Head of HK Sales (greg.kim@kisasia.com +852 2530 8915)
Korea Investment & Securities Asia, Ltd.
Suite 2220, Jardine House
1 Connaught Place, Central, Hong Kong
Fax: 852-2530-1516

SINGAPORE

ALEX JUN, Managing Director, Head of Singapore Sales (alex@kisasia.com.sg +65 6501 5602)
CHARLES AN, Sales (alex.jun@kisasia.com.sg +65 6501 5601)
Korea Investment & Securities Singapore Pte Ltd
1 Raffles Place, #43-04, One Raffles Place
Singapore 048616
Fax: 65 6501 5617

LONDON

Min Suk Key, Managing Director (peterkey@kiseurope.com +44 207 065 2766)
Korea Investment & Securities Europe, Ltd.
2nd Floor, 35-39 Moorgate
London EC2R 6AR
Fax: 44-207-236-4811

This report has been prepared by KIS Vietnam Securities Corp. and is provided for information purposes only. Under no circumstances is it to be used or considered as an offer to sell, or a solicitation of any offer to buy. While all reasonable care has been taken to ensure that the information contained herein is not untrue or misleading at the time of publication, we make no representation as to its accuracy or completeness and it should not be relied upon as such. This report is provided solely for the information of professional investors who are expected to make their own investment decisions without undue reliance on this report and the company accepts no liability whatsoever for any direct or consequential loss arising from any use of this report or its contents. This report is not intended for the use of private investors.

Copyright © 2020 KIS Vietnam Securities Corp. All rights reserved. No part of this report may be reproduced or distributed in any manner without permission of KIS Vietnam Securities Corp.